

Số: 1144/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 956/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1977,

2. Ông **Đào Thanh H**, sinh năm 1978,

Cùng địa chỉ: **110/32/4 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị M** và ông **Đào Thanh H** thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà **M** và ông **H** ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà **M** và ông **H**.

[2] Về con chung: Bà **Phạm Thị M** và ông **Đào Thanh H** khai có hai con chung tên **Đào Thanh B**, sinh ngày 14/4/2004 và **Đào Thanh H1**, sinh ngày 13/4/2009. Con chung tên **Đào Thanh B** đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên thỏa thuận bà **Phạm Thị M** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Đào Thanh H1**, ông **Đào Thanh H** cấp dưỡng nuôi trẻ **H1** với số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực

hiện từ tháng 12/2023 đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy việc thỏa thuận về con chung của bà **M** và ông **H** phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà **M** và ông **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **M** và ông **H** khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị M** và ông **Đào Thanh Hòa** thuận t ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 11, ngày 17/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh Thừa Thiên Huế chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung tên **Đào Thanh B**, sinh ngày 14/4/2004 và **Đào Thanh H1**, sinh ngày 13/4/2009. Con chung tên **Đào Thanh B** đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà **Phạm Thị M** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Đào Thanh H1**, ông **Đào Thanh H** cấp dưỡng nuôi trẻ **H1** với số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2023 đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bà **M** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà **M** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông **H** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà **M** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà **M** và ông **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **M** và ông **H** khai không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà **Phạm Thị M** và ông **Đào Thanh H** nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006883 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **M** và ông **H** đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Hải Dương, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Ngọc Nữ**